

15/11/22

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4039/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước,
doanh nghiệp có vốn nhà nước giai đoạn 2022 - 2025**

CHÍNH PHỦ
ĐỀ Y
Số: 4039/QĐ-TTg
Ngày: 29/11/2022

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, nghĩa vụ của đại diện chủ sở hữu nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước nắm 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước nắm 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 22/2021/QĐ-TTg ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về Tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước trực tiếp chuyển đổi sở hữu, sắp xếp lại, thoái vốn giai đoạn 2021 - 2025

Căn cứ Quyết định số 360/QĐ-TTg ngày 17 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2021 - 2025",

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước giai đoạn 2022 - 2025 theo các hình thức: duy trì công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ phần hóa, sắp xếp lại (bao gồm hình thức sáp nhập, giải thể), chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn nhà nước (sau đây gọi chung là thoái vốn) giai đoạn 2022 - 2025, gồm các Phụ lục sau:

Phụ lục I về Kế hoạch duy trì công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên giai đoạn 2022 - 2025 (Danh mục doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ giai đoạn 2022 - 2025).

- Phụ lục II về Kế hoạch thực hiện cổ phần hóa, sáp nhập, giải thể giai đoạn 2022 - 2025 (Danh mục doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện cổ phần hóa, sáp nhập, giải thể giai đoạn 2022 - 2025).

- Phụ lục III về Kế hoạch thực hiện thoái vốn và giữ nguyên phần vốn nhà nước giai đoạn 2022 - 2025 (Danh mục doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn và giữ nguyên phần vốn nhà nước giai đoạn 2022 - 2025).

- Phụ lục IV về Danh mục doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện sắp xếp theo phương án riêng giai đoạn 2022 - 2025.

Các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc: Bộ Y tế, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương và các doanh nghiệp chưa được quy định tại Quyết định này (không thuộc diện chuyển giao về Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước) thực hiện sắp xếp theo kế hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Điểm 2. Tổ chức thực hiện

1. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm:

a) Phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc có văn bản chấp thuận và chỉ đạo triển khai thực hiện Đề án cơ cấu lại giai đoạn 2021 - 2025 đối với các doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại Quyết định số 760/QĐ-CTG ngày 17 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Quyết liệt thực hiện cơ cấu hoá, hoàn thành công bố giá trị doanh nghiệp trong giai đoạn 2022 - 2025 đối với các doanh nghiệp được liệt kê tại Mục 1 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này; tổ chức thực hiện thoái vốn theo lộ trình và đảm bảo Nhà nước nắm giữ tỷ lệ vốn tại doanh nghiệp theo khung quy định tại Quyết định số 22/2021/QĐ-CTG ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ, mục tiêu đến năm 2025 đạt được: tỷ lệ như đề xuất đối với các doanh nghiệp nêu tại Mục 1 Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định này. Chịu trách nhiệm toàn diện trước Chính phủ. Thủ tướng Chính phủ, các cơ quan thanh tra, kiểm tra về công tác triển khai và kết quả thực hiện.

c) Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt và trưng sắp xếp đối với từng doanh nghiệp quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này trong quý I năm 2023.

d) Cho ý kiến đề người đại diện quản vốn nhà nước tại doanh nghiệp biểu quyết về việc thực hiện sắp xếp đối với các doanh nghiệp nêu tại Mục 2 Phụ lục III Quyết định này và các công ty cổ phần thuộc diện giải thể theo quy định của pháp luật hiện hành.

đ) Chủ động căn cứ tình hình thị trường và thực tế tại doanh nghiệp để đẩy nhanh tiến độ thực hiện cơ cấu hoá, thoái vốn sớm. Mọi lộ trình được phê duyệt, đảm bảo hiệu quả, công khai, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật.

e) Kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định tại các văn bản cá biệt đối với các trường hợp không thực hiện được theo Quyết định này do điều kiện thị trường không thuận lợi hoặc gặp vướng mắc, cần khẩn kích quan.

Đối với trường hợp không nắm hao tỷ lệ theo khung báo cáo và không thực hiện được trong giai đoạn 2022 - 2025 có nguyên nhân chủ quan, đề nghị làm rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan (nếu có), báo cáo cấp có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật và gửi Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để theo dõi, tổng hợp, đồng thời tiếp tục triển khai thực hiện đảm bảo tỷ lệ theo quy định tại Quyết định này trong giai đoạn 2024 - 2025.

g) Cho động cơ xét, chuyển giao quyền dự định chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp và Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước hoặc báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định các trường hợp chuyển giao về Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

h) Hằng năm, trước ngày 15 tháng 01 gửi báo cáo về tình hình thực hiện sắp xếp lại doanh nghiệp quy định tại Quyết định này đến Ban Chỉ đạo Đầu tư và Phát triển doanh nghiệp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để theo dõi, tổng hợp.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Ban Chỉ đạo Đầu tư và Phát triển doanh nghiệp, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan theo dõi, đôn đốc giám sát và tổng kết tình hình thực hiện. Quyết định này.

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp và trách nhiệm thi hành

1. Doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện cổ phần hóa, thoái vốn trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành thực hiện như sau:

a) Đối với các doanh nghiệp chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt Phương án cổ phần hóa, thoái vốn, cơ quan đại diện chủ sở hữu chủ động điều chỉnh lại tỷ lệ cổ phần Nhà nước nắm giữ khi xây dựng Phương án theo Kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước giai đoạn 2022 - 2025 ban hành kèm theo Quyết định này và báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để theo dõi, tổng hợp.

b) Đối với các doanh nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt Phương án cổ phần hóa, thoái vốn thì thực hiện theo Phương án đã được phê duyệt và tiếp tục xây dựng phương án để thực hiện thoái vốn theo tỷ lệ quy định tại Kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước giai đoạn 2022 - 2025 ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 8 Quyết định số 22/2021/QĐ-TTg ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 26/2019/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh mục doanh nghiệp trực tiếp cổ phần hóa đến hết năm 2020 và Quyết định số 908/QĐ-TTg ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn đến hết năm 2020 hết hiệu lực.

Công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện sắp xếp theo Quyết định số 26/2019/QĐ-TTg nêu trên được tiếp tục thực hiện cho đến khi Đồ án cơ cấu lại của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Thủ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, và doanh nghiệp nhà nước, Người đại diện pháp nhân nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này/.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
(ĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương);
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Đại Chi đạo Đối ngoại và Phát triển doanh nghiệp;
- Các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước;
- VCCI, EYFN, các PCN, Tập lý T3g, TGD Công TIDT,
các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, ĐMĐN (2b) 435





Phụ lục I

CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN GIAI ĐOẠN 2022-2025 ĐỀ NGHỊ MỤC ĐOANH NGHIỆP ĐÓNG NHÀ NƯỚC NĂM GIỮ 100% VỐN ĐIỀU LỆ GIAI ĐOẠN 2022-2025)

Kèm theo Quyết định số 4949/QĐ-TTg ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ

TT	Tên cơ quan chủ sở hữu/Tên doanh nghiệp
	Bộ Giáo dục và Đào tạo
1	Công ty TNHH một thành viên Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
	Hệ Clan thông vận tải
1	Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam
2	Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc
4	Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam
5	Công ty TNHH một thành viên Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam
6	Công ty TNHH một thành viên Nhà xuất bản Giao thông vận tải
	Bộ Khoa học và Công nghệ
7	Công ty TNHH một thành viên Phát triển Khu Công nghệ cao Hòa Lạc
	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
8	Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Bắc Nam III
9	Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Bắc Hưng III
10	Công ty TNHH một thành viên Khai thác thủy lợi Cửa Đạt
11	Công ty TNHH một thành viên Khai thác thủy lợi Tả Trạca
12	Công ty TNHH một thành viên Khai thác thủy lợi Dầu Tiếng - Phước Hòa
13	Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ Khai thác Hải sản Biên Đông
14	Công ty TNHH một thành viên Nhà xuất bản Nông nghiệp
	Bộ Tài chính
15	Công ty TNHH kế toán Việt Nam

	Hệ Tài nguyên và Môi trường
16	Công ty TNHH một thành viên Tài nguyên và Môi trường (T.Đ) Nam
17	Công ty TNHH một thành viên Tài nguyên và Môi trường Việt Nam
18	Công ty TNHH một thành viên Nhà xuất bản Tài nguyên - Môi trường và Bản đồ Việt Nam
	Bộ Thông tin và Truyền thông
19	Tổng công ty Bưu điện Việt Nam
	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
20	Công ty TNHH một thành viên Nhà xuất bản Văn hóa dân tộc
21	Công ty TNHH một thành viên Nhà xuất bản Văn học
22	Công ty TNHH một thành viên Nhà xuất bản Trẻ giới
23	Công ty TNHH một thành viên Hãng phim Tài liệu và Khoa học Trung ương
	Bộ Xây dựng
24	Tổng công ty Xi măng, Việt Nam
	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
25	Nhà máy In tiền Quốc gia
26	Hao niêm tiền gửi Việt Nam
27	Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam
	Thương mại Việt Nam
28	Công ty TNHH một thành viên In & Thương mại ITXVN
29	Công ty TNHH một thành viên ITAXA
	Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp
30	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
31	Tập đoàn Điện lực Việt Nam
32	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam
33	Tập đoàn Hàng chính viễn thông Việt Nam

34	Tổng công ty Đường sắt Việt Nam
35	Tổng công ty Đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam
36	Tổng công ty Lương thực miền Bắc
	Viện Hàn lâm Khoa học và công nghệ Việt Nam
37	Công ty TNHH một thành viên Ứng dụng công nghệ mới và Du lịch
	UBND tỉnh An Giang
38	Công ty TNHH một thành viên Xã số kiến thiết An Giang
39	Công ty TNHH một thành viên Khai thác thủy lợi An Giang
	UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu
40	Công ty TNHH một thành viên Xã số kiến thiết tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu
	UBND tỉnh Bắc Giang
41	Công ty TNHH một thành viên Xã số kiến thiết Bắc Giang
42	Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Nam Sông Thương
43	Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Bắc Sông Thương
	UBND tỉnh Bắc Kạn
44	Công ty TNHH một thành viên Xã số kiến thiết Bắc Kạn
45	Công ty TNHH một thành viên Quản lý Khai thác công trình thủy lợi Bắc Kạn
	UBND tỉnh Bạc Liêu
46	Công ty TNHH một thành viên Xã số kiến thiết Bạc Liêu
	UBND tỉnh Bắc Ninh
47	Công ty TNHH một thành viên Xã số kiến thiết Bắc Ninh
48	Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Bắc Đuống
49	Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Nam Đuống
	UBND tỉnh Bến Tre
50	Công ty TNHH một thành viên Xã số kiến thiết Bến Tre

51	Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Bến Tre
	UBND tỉnh Bình Định
52	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Bình Định
53	Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Bình Định
	UBND tỉnh Bình Dương
54	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Bình Dương
	UBND tỉnh Bình Phước
55	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước
56	Công ty TNHH một thành viên dịch vụ Thủy lợi Bình Phước
	UBND tỉnh Bình Thuận
57	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Bình Thuận
58	Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Bình Thuận
	UBND tỉnh Cà Mau
59	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Cà Mau
	UBND Thành phố Cần Thơ
60	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Cần Thơ
	UBND tỉnh Cao Bằng
61	Công ty TNHH một thành viên Thủy nông Cao Bằng
62	Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Cao Bằng
63	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Cao Bằng
	UBND Thành phố Đà Nẵng
64	Công ty TNHH một thành viên Nhà xuất bản Tổng hợp Đà Nẵng
65	Công ty TNHH một thành viên Khai thác thủy lợi Đà Nẵng
66	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Đà Nẵng
	UBND Thành phố Hồ Chí Minh

67	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Đắk Lắk
68	Công ty TNHH một thành viên Quản lý công trình thủy lợi
	UBND tỉnh Đắk Nông
69	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Đắk Nông
70	Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Đắk Nông
	UBND tỉnh Điện Biên
71	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Điện Biên
72	Công ty TNHH Quản lý thủy công Điện Biên
	UBND tỉnh Đồng Nai
73	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Đồng Nai
74	Công ty TNHH một thành viên Khai thác Công trình thủy lợi Đồng Nai
	UBND tỉnh Đồng Tháp
75	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Đồng Tháp
	UBND tỉnh Gia Lai
76	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Gia Lai
77	Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Gia Lai
	UBND tỉnh Hà Giang
78	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Hà Giang
	UBND tỉnh Hà Nam
79	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Hà Nam
80	Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hà Nam
	UBND Thành phố Hải Nội
81	Công ty TNHH một thành viên Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội
82	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Thủ đô
83	Công ty TNHH một thành viên Đường sắt Hà Nội

84	Công ty TNHH một thành viên Nhà xuất bản Hà Nội
85	Công ty TNHH một thành viên Vườn thú Hà Nội
86	Công ty TNHH một thành viên Công viên Thống Nhất
87	Công ty TNHH một thành viên Nước sạch Hà Đông
88	Công ty TNHH một thành viên Nước sạch Hà Nội
89	Công ty TNHH một thành viên Nước sạch Hồ Nội
90	Công ty TNHH một thành viên Môi trường đô thị Hà Nội
91	Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển Thủy lợi Hà Nội
92	Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Đà
93	Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ
94	Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Tích
95	Công ty TNHH một thành viên Xuất nhập khẩu du lịch và ô tô từ Hồ Gươm
96	Công ty TNHH một thành viên Công viên Cây xanh Hà Nội
97	Tổng công ty Du lịch Hà Nội
98	Tổng công ty Vận tải Hà Nội
	UBND tỉnh Hà Tĩnh
99	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Hà Tĩnh
100	Công ty TNHH một thành viên Thủy lợi Bắc Hà Tĩnh
101	Công ty TNHH một thành viên Thủy lợi Nam Hà Tĩnh
	UBND Thành phố Hải Phòng
102	Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Tiên Lãng
103	Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi An Hải
104	Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Tiên Lãng
105	Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Thủy Nguyên
106	Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Vĩnh Hải

107	Công ty TNHH một thành viên Xây dựng Hải Phòng
108	Công ty TNHH một thành viên Quản lý và Kinh doanh nhà Hải Phòng
109	Công ty TNHH một thành viên Môi trường đô thị Hải Phòng
110	Công ty TNHH một thành viên Thoát nước Hải Phòng
	UBND tỉnh Hậu Giang
111	Công ty TNHH một thành viên Xây dựng kiến trúc Hậu Giang
	UBND tỉnh Hòa Bình
112	Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Hòa Bình
113	Công ty TNHH một thành viên Xây dựng kiến trúc Hòa Bình
	UBND tỉnh Hưng Yên
114	Công ty TNHH một thành viên Xây dựng kiến trúc Hưng Yên
115	Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Hưng Yên
	UBND tỉnh Khánh Hòa
116	Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Xây dựng Khánh Hòa
117	Công ty TNHH một thành viên Xây dựng kiến trúc Khánh Hòa
118	Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình Thủy lợi Khánh Hòa
	UBND tỉnh Kiên Giang
119	Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Kiên Giang
120	Công ty TNHH một thành viên Xây dựng kiến trúc Kiên Giang
	UBND tỉnh Kon Tum
121	Công ty TNHH một thành viên Xây dựng kiến trúc Kon Tum
	UBND tỉnh Lai Châu
122	Công ty TNHH một thành viên Xây dựng kiến trúc Lai Châu
123	Công ty TNHH thủy điện huyện Mường Tè
124	Công ty TNHH một thành viên quản lý thủy nông Lai Châu

	UBND tỉnh Lâm Đồng
125	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Lâm Đồng
	UBND tỉnh Lạng Sơn
126	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Lạng Sơn
127	Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Lạng Sơn
	UBND tỉnh Lào Cai
128	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Lào Cai
	UBND tỉnh Long An
129	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Long An
	UBND tỉnh Nam Định
130	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Nam Định
131	Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Ý Yên
132	Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Vụ Bản
133	Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Mỹ Xuân
134	Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Nam Ninh
135	Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Xuân Thủy
136	Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Hải Hậu
137	Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Nghĩa Hưng
	UBND tỉnh Nghệ An
138	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Nghệ An
139	Công ty TNHH một thành viên Thủy lợi Bắc Nghệ An
140	Công ty TNHH một thành viên Thủy lợi Nam Nghệ An
141	Công ty TNHH một thành viên Thủy lợi Tây Bắc Nghệ An
142	Công ty TNHH một thành viên Thủy lợi Tây Nam Nghệ An
143	Công ty TNHH một thành viên Thủy lợi Phú Quý

144	Công ty TNHH một thành viên Thủy lợi Tân Kỳ
145	Công ty TNHH một thành viên Thủy lợi Tân Chương
	UBND tỉnh Ninh Bình
146	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Ninh Bình
147	Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Ninh Bình
	UBND tỉnh Ninh Thuận
148	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Ninh Thuận
149	Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận
	UBND tỉnh Phú Thọ
150	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Phú Thọ
151	Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Phú Thọ
	UBND tỉnh Phú Yên
152	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Phú Yên
153	Công ty TNHH một thành viên Thủy công Đồng Cầu
	UBND tỉnh Quảng Bình
154	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Quảng Bình
155	Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Quảng Bình
	UBND tỉnh Quảng Nam
156	Công ty TNHH một thành viên Xổ số Kiến thiết Quảng Nam
157	Công ty TNHH một thành viên Khai thác thủy lợi Quảng Nam
	UBND tỉnh Quảng Ngãi
158	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Quảng Ngãi
159	Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Quảng Ngãi
	UBND tỉnh Quảng Ninh
160	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Quảng Ninh

161	Công ty TNHH một thành viên Thủy lợi Đông Triều
162	Công ty TNHH một thành viên Thủy lợi miền Đông
163	Công ty TNHH một thành viên Thủy lợi Yên Lập
	UBND tỉnh Quảng Trị
164	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Quảng Trị
165	Công ty TNHH một thành viên Quản lý khai thác công trình thủy lợi Quảng Trị
	UBND tỉnh Sóc Trăng
166	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Sóc Trăng
	UBND tỉnh Sơn La
167	Công ty TNHH một thành viên Quản lý, khai thác công trình thủy lợi Sơn La
168	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Sơn La
	UBND tỉnh Tây Ninh
169	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Tây Ninh
170	Công ty TNHH một thành viên Khai thác thủy lợi Tây Ninh
	UBND tỉnh Thái Bình
171	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Thái Bình
172	Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Bắc Thái Bình
173	Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Nam Thái Bình
	UBND tỉnh Thái Nguyên
174	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Thái Nguyên
175	Công ty TNHH một thành viên Khai thác thủy lợi Thái Nguyên
	UBND tỉnh Thanh Hóa
176	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Thanh Hóa
177	Công ty TNHH một thành viên Thủy lợi Bắc Sông Mã Thanh Hóa
178	Công ty TNHH một thành viên Nhà xuất bản Thanh Hóa

179	Công ty TNHH một thành viên Sông Cầu
180	Công ty TNHH một thành viên Thủy lợi Nam Sông Mã Thanh Hóa
	UBND tỉnh Thừa Thiên Huế
181	Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Xổ số kiến thiết Thừa Thiên Huế
182	Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Quản lý khai thác Công trình Thủy lợi Thừa Thiên Huế
	UBND tỉnh Tiền Giang
183	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Tiền Giang
184	Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Tiền Giang
185	Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Tiền Giang
	UBND tỉnh Trà Vinh
186	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Trà Vinh
187	Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Trà Vinh
	UBND tỉnh Tây Ninh
188	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Tuyên Quang
	UBND tỉnh Vĩnh Long
189	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Vĩnh Long
	UBND tỉnh Vĩnh Phúc
190	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Vĩnh Phúc
191	Công ty TNHH một thành viên thủy lợi Liên Sơn
192	Công ty TNHH một thành viên thủy lợi Lập Thạch
193	Công ty TNHH một thành viên thủy lợi Tân Đới
194	Công ty TNHH một thành viên thủy lợi Phúc Yên
	UBND tỉnh Yên Bái
195	Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Xổ số kiến thiết Yên Bái



Phụ lục II

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CẢI PHẠM HÓA, SÁP NHẬP, GIẢI THỂ GIAI ĐOẠN 2022-2025 (DANH MỤC ĐƠN VỊ NGHIỆP VỤ NÔNG NGHIỆP HẠ GIỚI 100% VỐN ĐIỀU LỆ THỰC HIỆN CẢI PHẠM HÓA, SÁP NHẬP, GIẢI THỂ GIAI ĐOẠN 2022-2025)

(Kèm theo Quyết định số 112/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên cơ quan đơn vị chủ sở hữu/Tên doanh nghiệp	Tỷ lệ vốn Nhà nước dự kiến năm giải ngân CPĐ theo khung tỷ lệ quy định tại Quyết định số 112/QĐ-UBND
	Mục I. Kế hoạch cải phẩm hóa	
	Hệ Khoa học và Công nghệ	
1	Công ty TNHH một thành viên ứng dụng và Phát triển công nghệ - NEAD Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội	Từ 50% trở xuống
2	Công ty TNHH một thành viên Thiết bị gắn theo nghề nghiệp Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Từ 50% trở xuống
3	Công ty TNHH một thành viên Xuất nhập khẩu nông sản thực phẩm Hà Nội-Agroexport Bộ Xây dựng	Từ 50% trở xuống
4	Công ty TNHH một thành viên Thủy sản Hồ Long Bộ Xây dựng	Từ 65% trở lên
5	Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị Ngân hàng Nhà nước	Từ 50% trở xuống
6	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam UBND tỉnh Cao Bằng	Từ 65% trở lên
7	Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển và Môi trường Cao Bằng UBND Thành phố Đà Nẵng	Từ 50% trở xuống
8	Công ty TNHH một thành viên Tổng hợp Đà Nẵng UBND tỉnh Đồng Nai	Từ 50% trở xuống
9	Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai UBND Thành phố Hà Nội	Trên 50% đến dưới 65%
10	Công ty TNHH một thành viên Xuất nhập khẩu và Đầu tư xây dựng phát triển Hà Nội UBND Thành phố Hải Phòng	Từ 50% trở xuống
11	Công ty TNHH một thành viên Chiến lược và Thiết bị Đô thị Hà Nội UBND Thành phố Hải Phòng	Trên 50% đến dưới 65%

12	Công ty TNHH một thành viên Thương mại liên tư phát triển Định	Từ 50% trở xuống
	UBND tỉnh Khánh Hòa	
13	Công ty TNHH (có) thành viên Tổng công ty Khánh Việt	Trên 50% đến dưới 65%
	UBND tỉnh Nghệ An	
14	Công ty TNHH một thành viên Đầu tư xây dựng phát triển và tăng Nghệ An	Từ 50% trở xuống
	UBND tỉnh Phú Yên	
15	Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Công Vàng K&E	Trên 50% đến dưới 65%
	UBND tỉnh Quảng Nam	
16	Công ty TNHH một thành viên Phát triển tư tăng KCN Chu Lữ	Trên 50% đến dưới 65%
	UBND tỉnh Quảng Ngãi	
17	Công ty TNHH một thành viên Đầu tư Xây dựng, Kinh doanh Dịch vụ Quảng Ngãi	Từ 50% trở xuống
	UBND tỉnh Thái Nguyên	
18	Công ty TNHH một thành viên Thương mại và Phát triển hạ th tầng đô thị Thái Nguyên	Trên 50% đến dưới 65%
	UBND tỉnh Thừa Thiên Huế	
19	Công ty TNHH một thành viên Công trình đô thị Mỹ Tho	Từ 50% trở xuống
	Mục 2, Kế hoạch thực hiện sắp xếp lại	
XX	Tên cơ quan đại diện chủ sở hữu/Tên doanh nghiệp	Thực hiện thực hiện
	UBND tỉnh Cần Thơ	
	Công ty TNHH một thành viên Tổng công ty Đầu tư và Xuất nhập Thương mại Cần Thơ	Chức năng
	UBND Thành phố Hồ Chí Minh	
2	Công ty TNHH một thành viên Điện ảnh Hồ Chí Minh	Sắp xếp
	UBND tỉnh Yên Bái	
3	Công ty TNHH một thành viên Nghĩa Việt	Sắp xếp
4	Công ty TNHH một thành viên Đại Việt	Sắp xếp
5	Công ty TNHH một thành viên Liên Phú	Sắp xếp



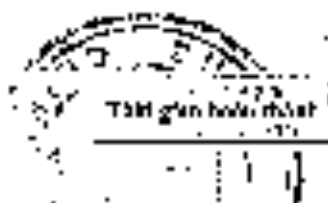
Phụ lục III

BIÊN BẢN VỐN VÀ CỤC NGUYỄN VĂN VON NHÀ NƯỚC GIẢI ĐOÀN 2022-2025
 CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TƯ VẤN VÀ TƯ VẤN NHÀ NƯỚC GIẢI ĐOÀN 2022-2025
 (Số: 01/2022/QĐ-TTg) ngày 17/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ

TT	Tên Cơ quan, địa điểm chủ sở hữu/đơn vị quản lý	Rủi ro kế hoạch vốn			Thời gian hoàn thành	
		Tỷ lệ vốn Nhà nước cấp theo khoản quy định tại Quyết định số 22/2021/QĐ-TTg	Tỷ lệ thanh toán theo đề xuất của cơ quan cấp nhận CSR theo tiêu chí ĐTKS QĐ số 22/2021/QĐ-TTg	Tỷ lệ vốn NN còn lại vượt hạn chết	Năm 2022-2023	Năm 2024-2025

PHẦN I. RỦI RO KẾ HOẠCH TƯ VẤN VÀ TƯ VẤN NHÀ NƯỚC GIẢI ĐOÀN 2022-2025

Hệ thống doanh nghiệp trực thuộc Tổng cục						
1	Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư và Phát triển Việt Nam	10,00% vốn sáng	99,00%	0,00%		x
PHẦN 1.1						
2	Tổng công ty Công nghệ ứng dụng - Công ty cổ phần	Từ 90% vốn sáng	98,70%	0,00%		x
3	Tổng công ty cổ phần Sông Hồng	Từ 90% vốn sáng	49,00%	0,00%		x
4	Tổng công ty Lập máy Việt Nam - Công ty cổ phần	Từ 90% vốn sáng (90% (*)	46,80%	51,00%		x
5	Tổng công ty V-plasma - Công ty cổ phần	10,00% vốn sáng	38,00%	0,00%	x	
PHẦN 1.2						
6	Công ty cổ phần Dịch vụ Tư vấn Đầu tư và Phát triển Việt Nam (VTVI)	Từ 90% vốn sáng	10,00%	0,00%		x
7	Tổng công ty Tư vấn Kinh tế Việt Nam (VTVN)	Từ 90% vốn sáng (90% (*)	41,99%	51,00%		x
PHẦN 1.3						
8	Công ty cổ phần Môi trường Đô thị An Giang	Từ 90% vốn sáng (90% (*)	33,00%	64,00%		x
9	Công ty cổ phần Đô thị An Giang	Từ 90% vốn sáng (90% (*)	45,00%	31,00%		x
10	Công ty cổ phần Xây lắp An Giang	Từ 90% vốn sáng (90% (*)	49,00%	51,00%		x
PHẦN 1.4						
11	Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Công nghệ và Phát triển Việt Nam	Từ 90% vốn sáng	85,00%	0,00%	x	
12	Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và Phát triển Việt Nam	Từ 90% vốn sáng	49,00%	0,00%	x	
13	Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và Phát triển Việt Nam	Từ 90% vốn sáng	50,00%	0,00%	y	
14	Công ty cổ phần Phát triển Công nghệ và Phát triển Việt Nam	Từ 90% vốn sáng	46,00%	0,00%		x
15	Công ty cổ phần Phát triển Công nghệ và Phát triển Việt Nam	Từ 90% vốn sáng	46,00%	0,00%		x
16	Công ty cổ phần Công nghệ và Phát triển Việt Nam	Từ 90% vốn sáng	50,00%	0,00%	y	
17	Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Công nghệ và Phát triển Việt Nam	Từ 90% vốn sáng	27,00%	0,00%		x



		Kế hoạch được sửa			TSHH gần nhất (nếu có)	
TT	Tên Cơ quan đại diện chủ sở hữu/đối tác	Tỷ lệ vốn Nhà nước (nếu có) hoặc không quy định tại Quyết định số 22/2021/LQĐ-TTg	Tỷ lệ được sửa theo đề xuất của cơ quan đại diện CSNN theo tiêu chí 02/23 QĐ số 22/2021/LQĐ-TTg	Tỷ lệ vốn NN còn lại sau khi sửa	Giá trị	Cấp độ
					2023-2025	2024-2025
UBND tỉnh Bắc Giang						
18	Công ty cổ phần Giấy công nghiệp	Ta 90% vốn nước	50,45%	0,00%		γ
19	Công ty cổ phần Dịch vụ công nghệ thông tin	Ta 90% vốn nước	65,20%	0,00%		β
20	Công ty cổ phần Tổng công ty Đầu tư Bắc Giang	Ta 50% vốn nước	03,22%	0,00%		γ
21	Công ty cổ phần Đường bộ Bắc Giang	Ta 90% vốn nước	22,02%	0,00%		γ
22	Công ty cổ phần Dịch vụ Khách sạn và Tour du lịch Bắc Giang	Ta 90% vốn nước	12,82%	0,00%	β	
23	Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ Bắc Giang	Ta 50% vốn nước	6,33%	0,00%		γ
24	Công ty cổ phần Dược phẩm Bắc Giang	Ta 50% vốn nước	6,88%	0,00%		γ
25	Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ Bắc Giang	Ta 90% vốn nước	22,09%	0,00%	α	
26	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Bắc Giang	Ta 90% vốn nước	3,22%	0,00%	γ	
27	Công ty cổ phần Dịch vụ công nghệ thông tin Bắc Giang	Ta 50% vốn nước	15,00%	0,00%		β
UBND tỉnh Bắc Ninh						
28	Công ty cổ phần Dịch vụ Bảo Vệ	Ta 50% vốn nước	25,64%	0,00%		γ
29	Công ty cổ phần Vật tư kỹ thuật công nghiệp Bắc Ninh	Ta 50% vốn nước	25,13%	0,00%		α
UBND tỉnh Bắc Yên						
30	Công ty cổ phần Xây dựng và Bảo vệ môi trường Bắc Yên	Ta 50% vốn nước	26,32%	0,00%	γ	
UBND tỉnh Bình Định						
31	Công ty cổ phần Dịch vụ Thương mại và Dịch vụ Bình Định	Ta 50% vốn nước	13,24%	0,00%		α
32	Công ty cổ phần Khai thác và Bảo Vệ	Ta 50% vốn nước	25,00%	0,00%		α
UBND tỉnh Bình Phước						
33	Công ty cổ phần Dịch vụ Bảo Vệ Bình Phước	Ta 50% vốn nước	38,98%	0,00%	γ	
UBND tỉnh Bình Thuận						
34	Công ty cổ phần Dịch vụ Thương mại và Dịch vụ Bình Thuận	Ta 50% vốn nước	16,81%	16,00%		γ
UBND tỉnh Cà Mau						
35	Công ty cổ phần Dịch vụ Thương mại và Dịch vụ Cà Mau	Ta 90% vốn nước	40,88%	51,00%		α
UBND tỉnh Cao Bằng						

STT	Tên Cơ quan đại diện chủ sở hữu/Thành viên	Số bằng được cấp			Thời gian hoàn thành	
		Tỷ lệ vốn góp của các thành viên không có địa chỉ cư trú tại Việt Nam số 23/2022/QĐ-BTTTT	Tỷ lệ thanh vốn theo đề xuất của cơ quan đại diện chủ sở hữu địa chỉ cư trú tại Việt Nam số 23/2022/QĐ-BTTTT	Tỷ lệ vốn góp của chủ sở hữu	Quý 4 năm 2022-2023	Quý 4 năm 2024-2025
26	Công ty cổ phần Bija Việt ÁI BVNVI	Ta 100% vốn sáng lập	56,25%	1,00%		a
27	Công ty cổ phần Công nghệ thông tin	Ta 100% vốn sáng lập	96,85%	0,00%		a
28	Công ty cổ phần Công nghệ Thông tin	Ta 100% vốn sáng lập	69,66%	0,00%		c
29	Công ty cổ phần Điện tử Giảng Võ	Ta 100% vốn sáng lập	65,31%	0,00%		c
30	Công ty cổ phần Điện tử Công nghệ và Dịch vụ phần mềm	Ta 100% vốn sáng lập	45,00%	0,00%		b
31	Công ty cổ phần Điện tử Công nghệ và Dịch vụ phần mềm	Ta 100% vốn sáng lập	44,99%	0,00%		a
32	Công ty cổ phần Điện tử Công nghệ và Dịch vụ phần mềm	Ta 100% vốn sáng lập	41,74%	0,00%		b
33	Công ty cổ phần Điện tử Công nghệ và Dịch vụ phần mềm	Ta 100% vốn sáng lập	35,34%	0,00%		a
34	Công ty cổ phần Điện tử Công nghệ và Dịch vụ phần mềm	Ta 100% vốn sáng lập	33,03%	0,00%		a
35	Công ty cổ phần Điện tử Công nghệ và Dịch vụ phần mềm	Ta 100% vốn sáng lập	46,00%	0,00%		c
36	Công ty cổ phần Điện tử Công nghệ và Dịch vụ phần mềm	Ta 100% vốn sáng lập	32,03%	0,00%		c
37	Công ty cổ phần Điện tử Công nghệ và Dịch vụ phần mềm	Ta 100% vốn sáng lập	18,00%	0,00%		b
38	Công ty cổ phần Điện tử Công nghệ và Dịch vụ phần mềm	Ta 100% vốn sáng lập	9,24%	0,00%		b
39	Công ty cổ phần Điện tử Công nghệ và Dịch vụ phần mềm	Ta 100% vốn sáng lập	1,00%	0,00%		a
40	Công ty Cổ phần Điện tử Công nghệ và Dịch vụ phần mềm	Ta 100% vốn sáng lập	40,00%	0,00%		c
41	Công ty TNHH Tập đoàn các nước công nghệ máy	Ta 98% vốn sáng lập	20,00%	0,00%		a
THIRD danh các công ty						
42	Công ty cổ phần Công nghệ và Dịch vụ phần mềm	Ta 100% vốn sáng lập	36,00%	0,00%		a
43	Công ty cổ phần Công nghệ và Dịch vụ phần mềm	Ta 100% vốn sáng lập	42,34%	50,00%		c
44	Công ty cổ phần Công nghệ và Dịch vụ phần mềm	Ta 100% vốn sáng lập	40,00%	40,00%		c
LƯU Ý thành phố Hồ Chí Minh						
45	Công ty cổ phần Công nghệ và Dịch vụ phần mềm	Ta 100% vốn sáng lập	64,91%	0,00%		b
46	Công ty cổ phần Công nghệ và Dịch vụ phần mềm	Ta 100% vốn sáng lập	84,27%	0,00%		c
47	Công ty cổ phần Công nghệ và Dịch vụ phần mềm	Ta 100% vốn sáng lập	29,42%	0,00%		c
48	Công ty cổ phần Công nghệ và Dịch vụ phần mềm	Ta 100% vốn sáng lập	1,00%	0,00%		c
49	Công ty cổ phần Công nghệ và Dịch vụ phần mềm	Ta 100% vốn sáng lập	24,42%	0,00%		c
50	Công ty cổ phần Công nghệ và Dịch vụ phần mềm	Ta 100% vốn sáng lập	10,00%	0,00%		c

TT	Tên Cơ quan địa phương chi trả kinh doanh ngoài	Kế hoạch thu vào		Thời gian thực hiện		
		Tỷ lệ vốn Nhà nước năm giải theo chương quy định tại Quyết định số 55/2021/QĐ-TTg	Tỷ lệ thu từ vốn theo đề xuất của cơ quan địa phương CĐSD theo vốn chi trả tại Quyết định 22/2021/QĐ-TTg	Tỷ lệ vốn NN vốn tại các khu vùng	Thời gian 2023-2023	Thời gian 2024-2025
35	Công ty cổ phần Thương mại Tổng hợp Hòa Lạc	10,00% vốn nước	44,85%	0,00%		x
37	Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ Công Nghệ	Tỷ 20% vốn nước	61,20%	0,00%		x
38	Công ty cổ phần Công nghệ và Thương mại Điện tử Việt Nam UỶ BAN ĐIỀU HÀNH	Tỷ 90% vốn nước	84,10%	0,00%		x
39	Công ty cổ phần Quản lý và Đầu tư Công nghệ Sinh Học	Tỷ 20% vốn nước	81,00%	0,00%	x	
40	Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Thực phẩm Hữu Hạn	100,00% vốn nước (100%)	41,00%	51,00%		y
UBND Quận Hoàn Kiếm						
41	Công ty cổ phần Thương mại Hải Sản	Tỷ 55% vốn nước	97,13%	0,00%	x	
42	Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Thực phẩm Hữu Hạn	100,00% vốn nước	50,10%	0,00%		x
43	Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ Công nghệ Hữu Hạn	Tỷ 50% vốn nước	84,70%	0,00%		x
44	Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ Công nghệ Hữu Hạn	100,00% vốn nước	62,40%	0,00%		x
45	Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam Biên Hòa	10,00% vốn nước	25,00%	0,00%	x	
UBND Quận Bình Thạnh						
46	Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ Công nghệ Hữu Hạn	Tỷ 50% vốn nước (50%)	24,65%	66,00%		x
UBND Quận Thủ Đức						
47	Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ Công nghệ Hữu Hạn	Tỷ 10% vốn nước	14,90%	36,00%		x
48	Công ty cổ phần Thương mại	Tỷ 50% vốn nước	24,40%	0,00%	x	
UBND Thành phố Hồ Chí Minh						
49	Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ Công nghệ Hữu Hạn	100,00% vốn nước	65,00%	0,00%		x
50	Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ Công nghệ Hữu Hạn	Tỷ 20% vốn nước	47,50%	0,00%		x
51	Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ Công nghệ Hữu Hạn	Tỷ 20% vốn nước	47,00%	0,00%		y
52	Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ Công nghệ Hữu Hạn	100,00% vốn nước	37,40%	0,00%		x
53	Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ Công nghệ Hữu Hạn	Tỷ 50% vốn nước	26,00%	0,00%		x
54	Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ Công nghệ Hữu Hạn	100,00% vốn nước	70,00%	0,00%		x
55	Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ Công nghệ Hữu Hạn	100,00% vốn nước	51,00%	0,00%		x

TT	Tên đơn vị quản lý đơn vị chi trả	Kế hoạch thuế HSN		Chỉ tiêu quản lý thuế		
		Tỷ lệ của NLĐ được miễn giảm thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập chịu thuế từ 01/01/2022-31/12/2022	Tỷ lệ chi trả thuế để xuất của đơn vị chi trả thuế HSN theo quy định từ 01/01/2022-31/12/2022	Tỷ lệ của NLĐ nộp thuế thu nhập cá nhân	Chỉ tiêu 2022-2023	Chỉ tiêu 2024-2025
99	Chi nhánh miền Bắc Trung Nam BQL	Trên 50% đến dưới 65% (*)	13,33%	0,00%	a	
	UBND tỉnh Nghệ An					
100	Công ty cổ phần Môi trường và nước sạch tỉnh Nghệ An	Trên 50% đến dưới 65% (*)	29,80%	0,00%		a
101	Công ty cổ phần Dịch vụ và Kỹ thuật địa phương Nghệ An	Từ 50% trở xuống	11,91%	0,00%		c
102	Công ty cổ phần Dịch vụ và Kỹ thuật địa phương Nghệ An	Từ 50% trở xuống	65,00%	0,00%		b
103	Công ty cổ phần In ấn Nghệ An	Từ 50% trở xuống	48,00%	0,00%		b
104	Công ty cổ phần Công viên Cây xanh TP Vinh	Từ 50% trở xuống	55,44%	0,00%		a
	UBND tỉnh Nghệ An					
105	Chi nhánh phía Công ty địa phương Nghệ An	Từ 50% trở xuống	91,36%	0,00%	b	
	UBND tỉnh Nghệ An					
106	Công ty cổ phần Kỹ thuật địa phương Nghệ An	Từ 50% trở xuống	04,00%	0,00%	c	
	UBND tỉnh Nghệ An					
107	Công ty cổ phần Môi trường và nước sạch tỉnh Nghệ An	Trên 50% đến dưới 65% (*)	36,25%	0,00%		b
	UBND tỉnh Nghệ An					
108	Công ty cổ phần Môi trường và nước sạch tỉnh Nghệ An	Từ 50% trở xuống	18,00%	0,00%		a
109	Công ty cổ phần Dịch vụ và Kỹ thuật địa phương Nghệ An	Từ 50% trở xuống	14,00%	0,00%		a
	UBND tỉnh Nghệ An					
110	Chi nhánh phía Công ty địa phương Nghệ An	Từ 50% trở xuống	26,00%	0,00%	c	
111	Công ty cổ phần Kỹ thuật địa phương Nghệ An	Từ 50% trở xuống	20,00%	0,00%	a	
112	Chi nhánh phía Công ty địa phương Nghệ An	Từ 50% trở xuống	10,00%	0,00%	c	
113	Công ty cổ phần Kỹ thuật địa phương Nghệ An	Từ 50% trở xuống	5,00%	0,00%	c	
114	Công ty cổ phần Kỹ thuật địa phương Nghệ An	Từ 50% trở xuống	5,00%	0,00%	b	
115	Công ty cổ phần Kỹ thuật địa phương Nghệ An	Từ 50% trở xuống	8,00%	0,00%	a	
	UBND tỉnh Nghệ An					
116	Công ty cổ phần Kỹ thuật địa phương Nghệ An	Từ 50% trở xuống	93,33%	0,00%		a
117	Công ty cổ phần Kỹ thuật địa phương Nghệ An	Từ 50% trở xuống	2,00%	0,00%	a	
	UBND tỉnh Nghệ An					

STT	Tên Công ty/ đơn vị/ địa chỉ/ văn phòng/ thành phố/ tỉnh	Xử lý khoản thanh toán			Thời gian hoàn thành	
		Tỷ lệ vốn Nhà nước của công ty/ đơn vị/ thành phố/ tỉnh/ địa chỉ/ văn phòng/ thành phố/ tỉnh	Tỷ lệ thanh toán theo đề xuất của công ty/ đơn vị/ thành phố/ tỉnh/ địa chỉ/ văn phòng/ thành phố/ tỉnh	Tỷ lệ vốn Nhà nước của công ty/ đơn vị/ thành phố/ tỉnh/ địa chỉ/ văn phòng/ thành phố/ tỉnh	Giá trị 2022-2023	Giá trị 2024-2025
81	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy Sản Miền Bắc	100% vốn nước ngoài	28,42%	0,00%	x	
82	Công ty cổ phần Phát triển Thương mại và Dịch vụ Khách sạn	70,00% vốn nước ngoài	2,11%	0,00%	x	
83	Liên hợp xã Nông nghiệp và Dịch vụ Công nghiệp và Thương mại	100,00% vốn nước ngoài	34,85%	0,00%	x	
84	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hải Phòng	100,00% vốn nước ngoài	17,90%	0,00%	x	
85	Công ty cổ phần Công nghiệp và Thương mại Hải Phòng	Tỷ lệ 100% vốn nước ngoài	29,57%	0,00%	x	
86	Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ Khách sạn Hải Phòng	Tỷ lệ 100% vốn nước ngoài (100%)	14,00%	51,00%	x	
87	Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ Khách sạn Hải Phòng	Tỷ lệ 100% vốn nước ngoài (100%)	14,00%	51,00%	x	
	UBND tỉnh Hậu Giang					
88	Công ty cổ phần Công nghiệp và Thương mại Hậu Giang	Tỷ lệ 100% vốn nước ngoài	18,41%	0,00%		x
89	Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ Khách sạn Hậu Giang	Tỷ lệ 100% vốn nước ngoài	59,32%	0,00%		x
	UBND tỉnh Bạc Liêu					
90	Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ Khách sạn Bạc Liêu	100,00% vốn nước ngoài	30,94%	0,00%		x
	UBND tỉnh Bình Định					
91	Liên hợp xã Nông nghiệp và Dịch vụ Công nghiệp và Thương mại Bình Định	Tỷ lệ 100% vốn nước ngoài (100%)	10,28%	51,00%	x	
	UBND tỉnh Kiên Giang					
92	Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ Khách sạn Kiên Giang	Tỷ lệ 50% vốn nước ngoài	28,00%	28,00%		x
	UBND tỉnh Kiên Tây					
93	Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ Khách sạn Kiên Tây	100,00% vốn nước ngoài	15,84%	0,00%		x
	UBND tỉnh Lâm Đồng					
94	Công ty cổ phần Dịch vụ Khách sạn Lâm Đồng	Tỷ lệ 100% vốn nước ngoài (100%)	22,09%	51,00%		x
95	Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ Khách sạn Lâm Đồng	Tỷ lệ 100% vốn nước ngoài (100%)	17,42%	51,00%		x
	UBND tỉnh Lạng Sơn					
96	Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ Khách sạn Lạng Sơn	Tỷ lệ 100% vốn nước ngoài	36,80%	0,00%		x
	UBND tỉnh Lạng Giang					
97	Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ Khách sạn Lạng Giang	100,00% vốn nước ngoài	47,28%	0,00%		x
	UBND tỉnh Nam Định					
98	Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ Khách sạn Nam Định	Tỷ lệ 100% vốn nước ngoài	33,33%	0,00%		x

TT	Tên Cơ quan đại diện nhà ở ở nước ngoài	Kế hoạch đầu tư (*)		Tỷ lệ % số vốn đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài	Thời gian hoàn thành	
		Tỷ lệ vốn nhà nước chiếm ưu thế trong quỹ đầu tư (Quyết định số 11/2011/QĐ-TTg)	Tỷ lệ % vốn nhà nước của cơ quan đại diện CSĐT nhà nước chỉ đạo (Quyết định số 11/2011/QĐ-TTg)		Giữa năm 2012 - 2013	Giữa năm 2014 - 2015
127	Công ty cổ phần Quốc tế và Sản xuất đường bột Việt Nam	10,00% (tư nhân)	79,68%	1,00%	x	
128	Công ty cổ phần Heli (mang mã danh từ đầu tư) Việt Nam	Tổ 30% (tư nhân)	33,00%	0,11%	x	
129	Công ty cổ phần Tin tức, liên lạc chất lượng và Xây dựng công nghệ Việt Nam	Tổ 50% (tư nhân)	36,00%	0,22%		x
	HUND Việt Nam					
140	Công ty cổ phần Xây dựng đường sắt - Việt Nam	Tư nhân (tư nhân)	30,00%	0,88%	x	
141	Công ty cổ phần Xây dựng đường sắt - Việt Nam	Tổ 50% (tư nhân)	12,00%	0,88%	x	

Ghi chú:

(*) Tư nhân là các quyết định về nhà nước chiếm ưu thế trong quỹ đầu tư (Quyết định số 11/2011/QĐ-TTg)

		Kế hoạch thuế thu			Thời gian hoàn thành	
		Tỷ lệ vốn Nhà nước nắm giữ theo chương trình IPO Quốc gia số 11/2021/QĐ-CTT	Tỷ lệ thu về của nhà đầu tư (NĐT) Cổ phần của cổ ĐHCĐ số 11/2021/QĐ-CTT	Tỷ lệ vốn PN của bị cáo khi thuế	Giới đoạn 2023-2023	Giới đoạn 2024-2024
118	Công ty cổ phần Miền trung 88 địa lý Lạng	Tỷ 10% vốn nước	43,15%	0,00%	a	
119	Công ty cổ phần Quốc tế đường địa lý Quảng Nam	Tỷ 90% vốn nước	89,03%	0,00%	a	
120	Công ty cổ phần Địa phương Quảng Nam	Tỷ 95% vốn nước	87,28%	0,00%	a	
UBND tỉnh Quảng Trị						
121	Công ty cổ phần Tổng công ty Thương mại Quảng Trị	Tỷ 57% vốn nước	37,42%	0,00%	a	
122	Công ty cổ phần Công Thương Việt	100% vốn nước	96,88%	0,00%		c
UBND tỉnh Sơn La						
123	Công ty cổ phần Miền trung và địa lý Sơn La	Tỷ 10% vốn nước	62,44%	19,00%	a	
124	Công ty cổ phần Sản xuất muối công nghiệp Sơn La	Tỷ 10% vốn nước	31,00%	0,00%	a	
125	Công ty cổ phần Thương mại công nghiệp và PTKT Sơn La	Tỷ 90% vốn nước	40,10%	0,00%	a	
UBND tỉnh Tây Ninh						
126	Công ty cổ phần Công nghiệp Đô thị Tây Ninh	Tỷ 10% vốn nước	48,91%	0,00%	a	
UBND tỉnh Tiền Giang						
127	Công ty cổ phần Thương mại Công nghiệp địa lý Thủ Đức	Tỷ 50% vốn nước (50%)	10,88%	41,00%		a
UBND tỉnh Thủ Đức						
128	Công ty cổ phần Miền trung và địa lý Thủ Đức	100% vốn nước	37,47%	0,00%	a	
129	Công ty cổ phần Quốc tế và địa lý Thủ Đức	Tỷ 90% vốn nước	20,21%	0,00%	a	
130	Công ty cổ phần Miền trung và địa lý Thủ Đức	Tỷ 90% vốn nước	36,00%	0,00%	a	
131	Công ty cổ phần Miền trung và địa lý Thủ Đức	Tỷ 10% vốn nước	38,91%	0,00%		a
UBND tỉnh Thuận Hải						
132	Công ty cổ phần Thương mại Công nghiệp địa lý Thuận Hải	Tỷ 10% vốn nước	52,41%	0,00%		c
UBND tỉnh Tuyên Quang						
133	Công ty cổ phần Chế biến Sản phẩm Tuyên Quang	Tỷ 10% vốn nước	33,40%	0,00%	a	
134	Công ty cổ phần Thương mại và địa lý địa lý Tuyên Quang	Tỷ 90% vốn nước	51,00%	0,00%		a
UBND tỉnh Vĩnh Long						
135	Công ty cổ phần Thương mại Công nghiệp địa lý Vĩnh Long	Tỷ 50% vốn nước (50%)	30,21%	51,00%		a
136	Công ty cổ phần Thương mại và địa lý Vĩnh Long	100% vốn nước	28,45%	0,00%		a
UBND tỉnh Vĩnh Phúc						

STT	Tên Cơ quan đại diện chủ sở hữu/Tên doanh nghiệp	Tỷ lệ vốn điều lệ của chủ sở hữu năm 2025
	MỤC 2: KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NGUYỄN VĂN VÂN VỐN NHÀ NƯỚC	
	B) Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
	Công ty cổ phần Tractor máy TW VICTORIN	65,26%
2	Công ty cổ phần Tractor máy TW SANETCO	69,89%
	Bộ VYA hoặc Tổ chức và Dự lập	
3	Công ty cổ phần Điện Hợp tác Việt Nam	87,81%
	Đài Truyền hình Việt Nam	
4	Công ty TNHH Truyền hình Cáp Saigonstarline (SCTV)	91,00%
	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	
5	Ngân hàng Công Thương Việt Nam	68,46%
	Hệ ban Quản lý của nhà nước tại doanh nghiệp	
6	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	75,87%
7	Tổng công ty Công nghiệp không khí Việt Nam	95,40%
8	Tổng công ty Điện lực Việt Nam	81,00%
	UBND tỉnh An Giang	
9	Công ty cổ phần Điện nước An Giang	81,72%
10	Công ty cổ phần Điện lực An Giang	21,60%
11	Công ty cổ phần Tập đoàn Lạc Trôi	24,15%
	L.HYD hình Bà Rịa Vũng Tàu	
12	Công ty cổ phần Cấp nước Bà Rịa-Vũng Tàu	36,28%
13	Công ty cổ phần Dịch vụ Đô thị Bà Rịa	76,82%
14	Công ty cổ phần Cao su Thăng Nhất	61,00%
15	Công ty cổ phần Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu	78,17%
	UBND tỉnh Bắc Giang	
16	Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Giang	51,80%
	UBND tỉnh Bắc Kạn	
17	Công ty cổ phần cấp nước sạch Bắc Kạn	40,00%
	L.HYD hình Bắc Liêu	
18	Công ty cổ phần cấp nước Bắc Liêu	99,68%
	UBND tỉnh Bắc Ninh	
19	Công ty cổ phần nước sạch Bắc Ninh	18,46%
20	Công ty cổ phần Điện nước và xử lý nước thải Bắc Ninh	21,87%
	UBND tỉnh Bắc Tru	
21	Công ty cổ phần Cấp nước sạch Thủ Đức	64,00%
22	Công ty cổ phần Cấp nước sạch huyện Châu Thành	35,70%

STT	Tên Cơ quan đại diện chủ sở hữu/Tên doanh nghiệp	Tỷ lệ vốn nhà nước nắm giữ đến hết 2025
23	Công ty cổ phần Công nghiệp đồ gỗ Bến Tre	60,00%
24	Công ty cổ phần Đông Giang và Hòa An gần đây UBND tỉnh Hòa Bình	50,00%
25	Công ty cổ phần Cấp nước Bắc Ninh	51,00%
26	Công ty cổ phần Công nghiệp xây dựng và Thương mại Thủ Đức Thành	51,00%
27	Công ty cổ phần Văn minh Bình Định	51,00%
	UBND tỉnh Bình Dương	
28	Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Tân Lộ - Công ty cổ phần	30,80%
29	Tổng Công ty Điện lực và Điện nước Công nghệ - Công ty cổ phần	35,14%
	UBND tỉnh Bình Thuận	
30	Công ty cổ phần Cấp nước Bắc Phước	36,00%
	UBND tỉnh Cà Mau	
31	Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau	71,00%
	UBND thành phố Cần Thơ	
32	Công ty cổ phần Cấp nước Cần Thơ	31,00%
33	Công ty cổ phần Cấp nước Cầu Trạo 2	45,00%
34	Công ty cổ phần Hồ táj Tân Tân	31,00%
	UBND Thành phố Đà Nẵng	
35	Công ty cổ phần Hồ tương Hồ Thị Đà Nẵng	51,00%
36	Công ty cổ phần Giải sáng công cộng Đà Nẵng	30,00%
37	Công ty cổ phần Cầu đường Đà Nẵng	20% %
	UBND Gành Điện Biên	
38	Công ty cổ phần Cấp nước Điện Biên	99,42%
	UBND Gành Đông Núi	
39	Tổng Công ty cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	99,00%
	UBND tỉnh Đồng Tháp	
40	Công ty cổ phần Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp	85,00%
41	Công ty cổ phần Xây dựng và Môi trường xây dựng Đồng Tháp	31,00%
	UBND tỉnh Hà Giang	
42	Công ty cổ phần cấp nước	36,00%
43	Công ty cổ phần Đường Số 3	65,00%
	UBND Thành phố Hà Nội	
44	Công ty cổ phần Cấp nước Sơn Tây	99,40%
45	Công ty cổ phần Đồng Xuân	11,00%

TT	Tên Cơ quan đại diện chủ sở hữu/Tên doanh nghiệp	Tỷ lệ vốn nhà nước nắm giữ đến cuối năm 2021
46	Công ty cổ phần Công nghiệp và Thương mại Việt Nam	63,28%
47	Công ty cổ phần Công nghiệp và Thương mại Việt Nam UBND tỉnh Hà Tĩnh	33,86%
48	Công ty cổ phần Công nghiệp và Thương mại Việt Nam	85,17%
49	Công ty cổ phần Công nghiệp và Thương mại Việt Nam UBND Tỉnh Lào Cai	25,00%
50	Công ty cổ phần Công nghiệp và Thương mại Việt Nam UBND Tỉnh Lào Cai	8,29%
51	Công ty cổ phần Công nghiệp và Thương mại Việt Nam UBND Tỉnh Lào Cai	10,58%
52	Công ty cổ phần Công nghiệp và Thương mại Việt Nam UBND Tỉnh Lào Cai	51,00%
53	Công ty cổ phần Công nghiệp và Thương mại Việt Nam UBND Tỉnh Lào Cai	57,52%
54	Công ty cổ phần Công nghiệp và Thương mại Việt Nam UBND Tỉnh Lào Cai	51,07%
55	Công ty cổ phần Công nghiệp và Thương mại Việt Nam UBND Tỉnh Lào Cai	63,00%
56	Công ty cổ phần Công nghiệp và Thương mại Việt Nam UBND Tỉnh Lào Cai	25,18%
57	Công ty cổ phần Công nghiệp và Thương mại Việt Nam UBND Tỉnh Lào Cai	30,10%
58	Công ty cổ phần Công nghiệp và Thương mại Việt Nam UBND Tỉnh Lào Cai	15,16%
59	Công ty Cổ phần Công nghiệp và Thương mại Việt Nam UBND Tỉnh Lào Cai	15,56%
60	Công ty Cổ phần Công nghiệp và Thương mại Việt Nam UBND Tỉnh Lào Cai	31,00%
	UBND Tỉnh Hậu Giang	
61	Công ty cổ phần Công nghiệp và Thương mại Việt Nam UBND Tỉnh Hậu Giang	49,89%
62	Công ty cổ phần Công nghiệp và Thương mại Việt Nam UBND Tỉnh Hậu Giang	46,33%
63	Công ty cổ phần Công nghiệp và Thương mại Việt Nam UBND Tỉnh Hậu Giang	50,78%
64	Công ty cổ phần Công nghiệp và Thương mại Việt Nam UBND Tỉnh Hậu Giang	49,07%
	UBND Tỉnh Hưng Yên	
65	Công ty cổ phần Công nghiệp và Thương mại Việt Nam UBND Tỉnh Hưng Yên	39,08%
66	Công ty cổ phần Công nghiệp và Thương mại Việt Nam UBND Tỉnh Hưng Yên	35,74%
67	Công ty cổ phần Công nghiệp và Thương mại Việt Nam UBND Tỉnh Hưng Yên	10,80%
68	Công ty cổ phần Công nghiệp và Thương mại Việt Nam UBND Tỉnh Hưng Yên	10,41%
	UBND Tỉnh Khánh Hòa	
69	Công ty cổ phần Công nghiệp và Thương mại Việt Nam UBND Tỉnh Khánh Hòa	36,00%
70	Công ty cổ phần Công nghiệp và Thương mại Việt Nam UBND Tỉnh Khánh Hòa	11,80%
	UBND Tỉnh Kiên Giang	
71	Công ty cổ phần Công nghiệp và Thương mại Việt Nam UBND Tỉnh Kiên Giang	35,00%
72	Công ty cổ phần Công nghiệp và Thương mại Việt Nam UBND Tỉnh Kiên Giang	30,00%

TT	Tên Cơ quan đại diện chủ sở hữu/Tên doanh nghiệp	Tỷ lệ vốn nhà nước nắm giữ đến năm 2025
UBND Lai Châu		
65	Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu	87,55%
UBND tỉnh Lâm Bình		
66	Công ty cổ phần Cấp nước nước và Xây dựng Tân Lạc	75,95%
UBND tỉnh Lạng Sơn		
67	Công ty cổ phần cấp nước thành phố Lạng Sơn	36,08%
68	Công ty cổ phần Quản lý và xây dựng các công trình nước	36,08%
UBND tỉnh Lào Cai		
69	Công ty cổ phần cấp nước Lào Cai	92,03%
70	Công ty cổ phần Môi trường và Nước sạch Lào Cai	51,08%
UBND tỉnh Lạng An		
71	Công ty cổ phần Cấp nước nước và Môi trường Yên Bình	88,33%
72	Công ty cổ phần Cấp nước nước và Điện và Đô thị Bắc Yên	35,15%
73	Công ty cổ phần Cấp nước nước và Điện và Đô thị Yên Bình	41,82%
74	Công ty cổ phần Cấp nước nước Lạng Sơn	60,00%
75	Công ty cổ phần Đô thị Tân An	100%
76	Công ty cổ phần Công trình Đô thị Cửa Việt	60,00%
UBND tỉnh Nam Định		
77	Công ty cổ phần Nước sạch và Vệ sinh môi trường Nam Định	59,47%
78	Công ty cổ phần cấp nước Nam Định	41,50%
UBND tỉnh Nghệ An		
79	Công ty cổ phần Cấp nước Diễn Châu	55,26%
80	Công ty cổ phần Cấp nước Quỳnh Lưu	97,66%
81	Công ty cổ phần Cấp nước Thị Hồ	98,04%
82	Công ty cổ phần cấp nước Yên Thành	98,97%
83	Công ty cổ phần Quản lý và phát triển hạ tầng đô thị Vinh	67,12%
84	Công ty cổ phần Cấp nước Nghệ An	31,86%
UBND tỉnh Ninh Bình		
85	Công ty cổ phần cấp nước sạch và Vệ sinh công cộng tỉnh Ninh Bình	83,58%
86	Công ty cổ phần KCI công nghệ và dịch vụ đô thị thành phố Ninh Bình	66,00%
87	Công ty cổ phần Môi trường Đô thị Yên Định	66,08%
UBND tỉnh Ninh Thuận		
88	Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận	51,86%
UBND tỉnh Phú Thọ		

TT	Lần 4.3- quan đại diện chủ sở hữu/linh doanh nghiệp	Tỷ lệ vốn nhà nước năm vết đến năm 2025
97	Công ty cổ phần Cấp nước Hòa Thọ UBND tỉnh Phú Yên	14,00%
98	Công ty cổ phần Cấp nước nước Phú Yên UBND tỉnh Quảng Bình	38,35%
99	Công ty cổ phần Cấp nước Quảng Bình	32,16%
100	Công ty cổ phần Quản lý, bảo trì đường dây tải điện Quảng Bình UBND tỉnh Quảng Nam	75,80%
101	Công ty cổ phần Môi trường đô thị Quảng Nam	81,51%
102	Công ty cổ phần Điện lực Quảng Nam	96,54%
103	Công ty cổ phần Lương thực & Dịch vụ Quảng Nam	47,64%
104	Công ty cổ phần Đăng Kiểm Quảng Nam UBND tỉnh Quảng Ngãi	30,41%
105	Công ty cổ phần Cấp nước nước và Xây dựng Quảng Ngãi UBND tỉnh Quảng Ninh	21,10%
106	Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh UBND tỉnh Quảng Trị	46,16%
107	Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Trị	51,00%
108	Công ty cổ phần Môi trường và Công tác đô thị Công 135 UBND tỉnh Sóc Trăng	55,21%
109	Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng	48,80%
110	Công ty cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng UBND tỉnh Sơn La	36,89%
111	Công ty cổ phần cấp nước Sơn La UBND tỉnh Tây Ninh	10,00%
112	Công ty cổ phần Cấp nước nước Tây Ninh	35,08%
113	Công ty cổ phần Điện lực Tây Ninh	24,74%
	UBND tỉnh Thái Bình	
114	Công ty cổ phần Kinh doanh nước sạch Thái Bình	10,00%
	UBND tỉnh Thái Nguyên	
115	Công ty cổ phần Nước sạch Thái Nguyên UBND tỉnh Thanh Bình	42,31%
116	Công ty cổ phần Cấp nước Thuận Hóa	61,62%
	UBND tỉnh Thừa Thiên Huế	
117	Công ty cổ phần Cấp nước Thừa Thiên Huế	70,01%
118	Công ty cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Huế	51,00%

TT	Tên Cơ quan đại diện chủ sở hữu/Tên doanh nghiệp	Tỷ lệ vốn góp được nắm giữ tại đầu năm 2015
	T. Ngân hàng Bắc Giang	
119	Công ty cổ phần Công nghệ dệt thoi GS Công T. Ngân hàng Hà Tĩnh	35,00%
120	Công ty cổ phần Cấp nước nước Hà Tĩnh	82,34%
121	Công ty cổ phần Công nghệ dệt thoi Hà Tĩnh	61,00%
	T. Ngân hàng Tuyên Quang	
122	Công ty cổ phần Cấp nước nước Tuyên Quang	45,66%
	T. Ngân hàng Vĩnh Long	
123	Công ty cổ phần Cấp nước Vĩnh Long	53,10%
	T. Ngân hàng Vĩnh Phúc	
124	Công ty cổ phần Cấp nước nước Vĩnh Phúc	96,71%
125	Công ty cổ phần Nhiệt điện Vĩnh Phúc	96,41%
	T. Ngân hàng Việt Nam	
126	Công ty cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường	97,38%



Phụ lục IV

DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC, DOANH NGHIỆP CÓ VỐN NHÀ NƯỚC

THỰC HIỆN SÁP XẾP THEO THƯƠNG ÁN RIÊNG GIAI ĐOẠN 2022-2025

(Số doanh nghiệp: 1479/2022-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên cơ quan đại diện chủ sở hữu/Tên doanh nghiệp	Tỷ lệ vốn nhà nước đang nắm giữ tại doanh nghiệp
	Bộ Tài chính	
1	Tập đoàn Bưu Việt - CTCP	65,00%
	Đệ Thông tin và Truyền thông	
2	Tổng công ty Truyền thông đa phương tiện	100%
	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
3	Công ty cổ phần Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam	10,00%
4	Công ty TNHH một thành viên Xuất nhập khẩu Sách báo	100%
	Đài Truyền hình Việt Nam	
5	Tổng công ty Phát triển phát hành truyền hình (Semco)	25,00%
	Đài Truyền hình Việt Nam	
6	Công ty TNHH Truyền hình số và tỉnh Việt Nam (VSTV)	50,26%
7	Công ty cổ phần Đầu tư và hợp tác Truyền hình Việt Nam (*)	34,00%
	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	
8	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (**)	80,90%
9	Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (**)	74,81%
	Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp	
10	Tập đoàn Lầu chầu Việt Nam	100%
11	Tổng công ty Cà phê Việt Nam	100%
12	Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam	100%
13	Tổng công ty Hàng không Việt Nam	86,19%
14	Tổng công ty Lương thực miền Nam	51,43%
	UBND tỉnh Bắc Ninh	
15	Công ty cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị	64,61%
	UBND Thành phố Đà Nẵng	
16	Công ty cổ phần Cấp nước Đà Nẵng	60,08%
	UBND Thành phố Hà Nội	

TT	Tên cơ quan đại diện chủ sở hữu/Tên doanh nghiệp	Tỷ lệ vốn Nhà nước đang nắm giữ tại doanh nghiệp
17	Tổng công ty Đầu tư Phát triển hạ tầng đô thị (UDIC)	100%
18	Tổng công ty Đầu tư và Phát triển Nhà TB Nội	100%
19	Công ty cổ phần JCANFI	97,93%
20	Công ty cổ phần Kim khí Thăng Long	66,04%
	UBND Bùn Thải Hầm	
21	Công ty TNHH một thành viên Công nghiệp Bùn thảy Xuân Hòa	100%

Ghi chú:

(*) Tráo hoán theo Thông báo số 936/VPCP-AM/BN ngày 12/2/2022 của Văn phòng Chính phủ

(**) Theo hệ: theo Hệ thống Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tài chính gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025" nêu tại Quyết định số 669/QĐ-TTg ngày 08/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ và "Chiến lược phát triển ngành ngân hàng Việt Nam đến 2025, định hướng đến 2030" nêu tại Quyết định số 966/QĐ-TTg ngày 08/06/2018 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó nêu rõ kế hoạch sắp xếp và tỷ lệ vốn đầu tiên Nhà nước nắm giữ tại 02 ngân hàng.